

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **55/2019/HSST**

Ngày: 31/5/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lâm Thanh Điền**

Các Hội thẩm nhân dân.

1. Ông Nguyễn Phước Lộc

2. Ông Trịnh Phước Đức

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đình Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trúng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 28/2019/HSST ngày 22 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo Phan Văn Tr, sinh năm 1979. (Có mặt).

Nơi sinh: Đồng Tháp

Nơi cư trú (HKTT): Ấp KM A, xã TKT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp DB, xã DT, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hóa: 01/12; Nghề nghiệp: Làm thuê.

Cha: Phan Văn C, sinh năm 1951 (Chết năm 2008). Mẹ: Lê Thị T, sinh năm 1951 (Chết năm 2012).

Vợ: Đặng Thị Lan Ph, sinh năm 1990

Con: 02 người (Lớn nhất sinh năm 2016; nhỏ nhất sinh năm 2017)

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giam từ ngày 18/10/2018 đến ngày 24/10/2018.

(Bị cáo đang tại ngoại)

- Người bị hại: Chị Lê Thị Thanh Th, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Ấp PH 1, xã BH, huyện CT, tỉnh An Giang.

Chỗ ở: Ấp CL, xã DT, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi của bị cáo:

Bị cáo Phan Văn Tr là công nhân làm thuê tại công trình của Công ty B thuộc ấp ĐB, xã DT, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang. Vào một ngày trong tháng 7/2018, khi đang làm việc tại đây bị cáo Tr phát hiện 01 chiếc xe Hon da đầu trong bãi xe của công trình đang xây dựng, trên xe có gắn chìa khóa nhưng không ai trông giữ nên Tr nảy sinh ý định lấy trộm. Sau đó bị cáo Tr đi ra bãi xe, thấy xe mô tô hiệu Honda, loại Blade biển số 67C1 -424.02 của chị Lê Thị Thanh Th có sẵn chìa khóa nên lấy trộm mang về lán trại bị cáo Tr đang ở gần đó cất giấu. Đến khoảng 10 ngày sau, bị cáo Tr tháo biển số xe ra bỏ và đi đến tiệm sửa xe gần đó xin được biển số xe 70G1-051.25 gắn vào xe moto trộm cắp để sử dụng. Sau đó bị cáo Tr tháo yếm áo xe cất tại nơi ở. Đến ngày 18/10/2018 bị cáo Tr bị Công an phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

** Tang vật thu giữ*

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại BLADE, màu sơn đen, số máy: JA36E0295644, số khung: 3623EY157641, không có biển kiểm soát đã qua sử dụng;
- 01 bộ yếm (Bửng) xe Honda Blade bằng nhựa màu đen, đã qua sử dụng;
- 01 chìa khóa xe mô tô Honda, mã số P239, đã qua sử dụng;

Tất cả các tang vật trên đã trao trả cho chủ sở hữu

- 01 biển số kiểm soát xe mô tô số 70G1-051.25, đã qua sử dụng;

* Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 58/KL-HĐĐGTS, ngày 08/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện PQ kết luận:

- Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại BLADE, màu đen, số máy: JA36E0295644 trị giá 7.500.000đồng.

Cáo trạng Viện kiểm sát:

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKSPQ ngày 20 tháng 03 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc đã truy tố bị cáo Phan Văn Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phan Văn Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 36 BLHS;

Xử phạt: Phan Văn Tr từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 36 BLHS. Xét thấy gia đình bị cáo khó khăn là người đi làm thuê nuôi sống cả gia đình có thu nhập không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Áp dụng Điều 47 BLHS và khoản 2 Điều 106 BLTTHS đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe xe 70G1-051.25 đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Lê Thị Thanh Th đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phan Văn Tr thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của người khác là sai và vi phạm pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Quốc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện Phú Quốc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự và không bị khiếu nại. Tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn Tr thừa nhận vào tháng 7/2018 bị cáo là người trực tiếp trộm cắp chiếc xe honda của người bị hại tại bãi xe của công trình đang xây dựng thuộc Công ty B tại ấp ĐB, xã DT, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cũng như lời khai của người bị hại có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Phan Văn Tr đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 như kết luận của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Phan Văn Tr xâm hại trực tiếp đến

quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị 7.500.000 đồng đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương và gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân, đây là các hành vi nguy hiểm cho xã hội và khung hình phạt đến 03 năm tù. Vì vậy cần phải xử bị cáo 01 mức án nghiêm để đủ sức răn đe, phòng ngừa với loại tội phạm này.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Phan Văn Tr có 02 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, về nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự, tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ để xem xét cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về các vấn đề khác:

Về tang vật vụ án: Tang vật vụ án là 01 chiếc xe mô tô hiệu Blade đã giao trả cho chủ sở hữu nên không xem xét.

Áp dụng Điều 47 BLHS và khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy biển số xe mô tô 70G1-051.25

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Lê Thị Thanh Th đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ pháp luật: Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 36 BLHS 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

2. Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Phan Văn Tr 18 tháng cải tạo không giam giữ nhưng được khấu trừ vào khoảng thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/10/2018 đến ngày 24/10/2018 là 06 ngày (Một ngày tạm giữ tạm giam bằng ba ngày cải tạo không giam giữ). Như vậy bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 17 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Phan Văn Tr cho chính quyền địa phương là UBND xã TKT nơi cư trú để giám sát, giáo dục trong

thời gian cải tạo. Gia đình bị cáo Phan Văn Tr có trách nhiệm phối hợp UBND xã TKT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo Phan Văn Tr.

Áp dụng khoản 3 Điều 36 BLHS xét thấy gia đình bị cáo khó khăn là người đi làm thuê nuôi sống cả gia đình có thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

3. Tang vật vụ án:

Áp dụng Điều 47 BLHS và khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy biển số xe mô tô 70G1-051.25. Tang vật này được chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/5/2019.

4. Trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Lê Thị Thanh Th đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử miễn xét.

5. Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng.

Án xử công khai báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người bị hại chị Lê Thị Thanh Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS huyện PQ;
- THA Dân sự;
- TAND tỉnh KG;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo, bị hại;
- Sở Tư pháp KG
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lâm Thanh Điền